

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

*(Kèm theo văn bản ...../..... ngày .... của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng).*

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: DỰ ÁN NẠO VÉT VÀ KIÊN CỐ HÓA KÊNH PHAO TÂN - AN BÀI

- Địa điểm thực hiện: các phường Chí Linh, Chu Văn An, Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

**1.2.1. Phạm vi dự án:** Nạo vét và kiên cố hóa 14,16 km tuyến kênh Phao Tân chạy qua địa bàn các phường Chí Linh, Chu Văn An, Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng.

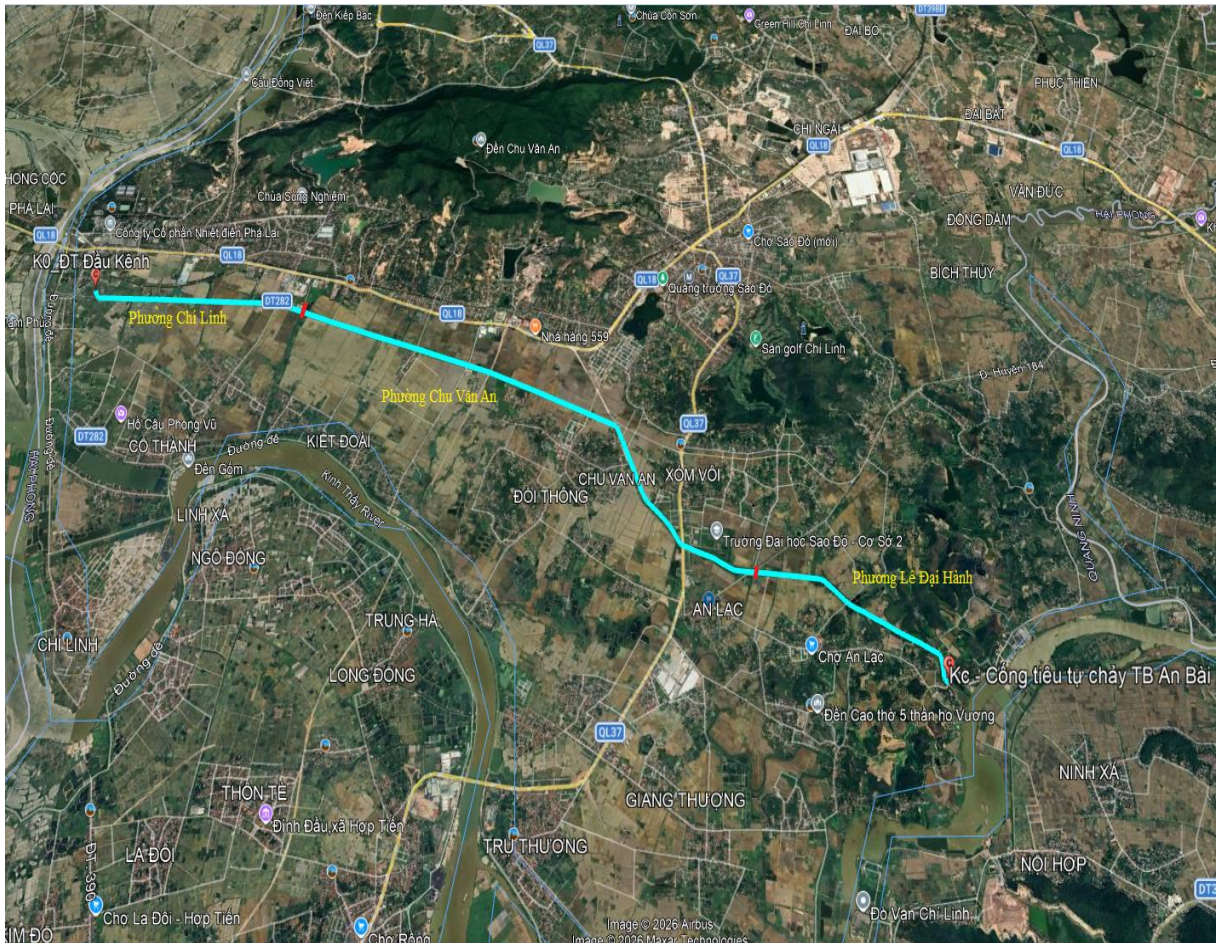
Trong đó:

STT	Lý trình		Phường	Chiều dài (m)
1	K0+00	K3+300	Chí Linh	3.300
2	K3+300	K11+300	Chu Văn An	7.960
3	K11+300	K14+160	Lê Đại Hành	2.900
			<b>Tổng</b>	<b>14.160</b>

Vị trí địa lý của tuyến kênh trải dài từ:

- Điểm đầu kênh K0+00 nằm trên địa bàn phường Chí Linh có toạ độ: X=2335057.448m, Y=583358.165m.

- Điểm cuối kênh K14+160 nằm trên địa bàn phường Lê Đại Hành có toạ độ: X=2330065.828m, Y=595775.905m.



### 1.2.2. Quy mô:

Nạo vét và kiên cố hóa kênh Phao Tân - An Bài với chiều dài tuyến khoảng 14 km, với các giải pháp kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Cải tạo, nâng cấp hệ kênh: Kênh mặt cắt hình thang, chiều rộng kênh theo quy hoạch  $B_{k\text{thoáng}} = (30,0-50,0)\text{m}$ ; hệ số mái kênh  $m=1,5$ ; chiều cao kênh  $h_k \geq 2,4\text{m}$ ; bờ kênh theo quy hoạch là tuyến đường giao thông; trong thời gian chưa thực hiện tuyến đường giao thông 2 bờ kênh kiên nghị bờ kênh rộng  $\geq 3,5\text{m}$  kết hợp làm đường giao thông nông thôn.

- Công trình trên kênh: Cải tạo, nâng cấp các công trình trên kênh gồm công qua đường, công điều tiết, cầu trên kênh, công tiêu nước, ..... đảm bảo yêu cầu tiêu thoát và lấy nước tưới. Kết cấu bằng BTCT và công đúc sẵn. Các công bố trí cửa van điều tiết, máy đóng mở bằng tay các công lớn sử dụng máy đóng mở bằng điện kết hợp bằng tay.

### 1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có):

Đây là dự án thực hiện duy tu, nạo vét kênh mương thủy lợi, không phải dự án sản xuất công nghiệp, không có quy trình công nghệ sản xuất.

### 1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án:

- (1) Nạo vét và kiên cố hóa kênh Phao Tân - An Bài với chiều dài Lk=14.160 m.
- (2) Kè bảo vệ chống sạt lở đoạn kênh qua khu dân cư với tổng chiều dài L=2.528m.
- (3) Xây dựng tuyến đường quản lý kết hợp dân sinh bên bờ hữu với tổng chiều dài Lđ=8.450m đường BT M250 và Lđ=1.998m đường cấp phối đá dăm loại 1.

(4) Công trình trên kênh :

- Xây dựng nâng cấp 05 cầu giao thông.
- Cải tạo, nâng cấp các công trình khác: 03 cống tiêu trên bờ kênh.

Các hạng mục công trình đầu tư của dự án được trình bày cụ thể tại bảng sau:

<b>TT</b>	<b>Thông số kỹ thuật</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giá trị</b>
<b>1</b>	<b>Diện tích tiêu</b>	ha	4.090
<b>2</b>	<b>Loại công trình</b>		NN&PTNT
<b>3</b>	<b>Cấp công trình</b>		III
<b>4</b>	<b>Quy mô cách hạng mục xây dựng</b>		
<b>4.1</b>	<b>Nạo vét kênh</b>		
-	Chiều dài nạo vét	m	14.160
-	Chiều rộng đáy kênh	m	5,5-:-12,0
-	Hệ số mái		1,50-:-1,75
<b>4.2</b>	<b>Kè mái kênh bảo vệ khu dân cư</b>	m	<b>2.528</b>
-	Bên bờ hữu K4+580 đến K6+346	”	1.766
-	Bên bờ tả K9+568-:-K10+200	”	632
-	Bên bờ hữu K10+220 đến K10+350	”	130
<b>4.3</b>	<b>Đường quản lý kết hợp dân sinh dọc bờ kênh</b>		
<b>a</b>	<b>Đường bê tông M250</b>	<b>m</b>	<b>8.450</b>
	Xây dựng bên bờ hữu với các đoạn		
-	Từ K0 đến K4+825	m	4.825
-	Từ K6+375 đến K7+375	m	1.000
-	Từ K8+950 đến K10+200	m	1.350
-	Từ K11+622 đến K12+560	m	1.275
<b>b</b>	<b>Đường cấp phối đá dăm loại 1</b>	<b>m</b>	<b>1.998</b>
-	Bên bờ hữu K4+580 đến K6+346	m	1.766

<b>TT</b>	<b>Thông số kỹ thuật</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giá trị</b>
-	Bên bờ tả K9+950 đến K10+182	m	232
<b>4</b>	<b>Công trình trên kênh</b>		
<b>4.1</b>	<b>Xây dựng nâng cấp các cầu trên kênh</b>	<b>cái</b>	<b>5</b>
-	Cầu tại K1+035	cái	Xây dựng mới
-	Cầu tại K7+040	cái	Xây dựng mới
-	Cầu tại K11+802	cái	Sửa chữa
-	Cầu tại K12+558	cái	Xây dựng mới
-	Cầu tại K13+198	cái	Xây dựng mới
<b>4.2</b>	<b>Cải tạo nâng cấp các cống tiêu trên bờ kênh</b>	<b>cái</b>	<b>3</b>
-	Cống tại K4+638	cái	
-	Cống tại K5+808	cái	
-	Cống tại K6+192	cái	

#### 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có):

<b>TT</b>	<b>Quy định về yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP)</b>	<b>Xét đối tượng</b>
1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nằm trên địa bàn phường của đô thị	Không thuộc đối tượng
2	Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Không thuộc đối tượng
3	Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp hoặc thủy sản, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên	Không thuộc đối tượng
4	Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt	Không thuộc đối tượng
5	Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản	Không thuộc đối tượng

	thiên nhiên thế giới, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên	
6	Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư	Không thuộc đối tượng

Như vậy dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP)

## 2. Các nội dung tham vấn

### 2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

- Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau.

Dự án Nạo vét và kiên cố hoá kênh Phao Tân – An Bài có diện tích thực hiện là 61,5 ha, hướng tuyến của dự án hoàn toàn đi theo hướng tuyến kênh hiện trạng. Kênh Phao Tân - An Bài hiện đang chịu sự quản lý và khai thác bởi Công ty TNHH MTV Công trình khai thác thủy lợi Hải Dương. Hiện trạng các công trình tuyến kênh đi qua:

- Tuyến kênh nằm trên địa hình đồng bằng, cao độ tương đối bằng phẳng. Dọc 2 bên bờ tuyến kênh đi qua chủ yếu là ruộng trồng lúa, ao nuôi thủy sản, đất trồng cây hàng năm.

- Lưu vực tưới của kênh gồm các phường Nhân Huệ, An Lạc, Tân Dân, Đồng Lạc, Cổ Thành; phường Văn An, Chí Minh, Phả Lại, Thái Học (đơn vị hành chính trước sát nhập). Toàn khu có diện tích tự nhiên 9.806 ha; diện tích đất canh tác 3.197 ha; diện tích cần tưới 4.848 ha và được chia thành 2 tiểu khu nhỏ.

+ Tiểu khu Bắc kênh Phao Tân - An Bài: Khu vực này có địa hình dốc, đất canh tác nằm phân tán, diện tích cần tưới là 981 ha, hình thức tưới của khu như sau:

++ Tưới tự chảy: Khu vực này có 9 hồ chứa, nhưng hiện nay có hồ Mật Sơn và Miếu Sơn đã chuyển đổi sang du lịch, văn hóa chỉ còn lại 7 hồ đập tưới tự chảy, diện tích tưới thiết kế là 544 ha nhưng diện tích thực tưới là 92,5 ha.

++ Tưới động lực: Khu vực có 6 trạm bơm diện tích thiết kế là 437 ha nhưng thực tế chỉ tưới được 294 ha.

+ Tiểu khu Nam Phao Tân - An Bài: gồm phường Cổ Thành, Tân Dân, Đồng Lạc, An Lạc và các phường Văn An, Chí Minh, Thái Học (đơn vị hành chính trước sát nhập). Diện tích canh tác 2.216 ha, hình thức tưới như sau:

++ Tưới tự chảy: Phần diện tích tưới bằng nguồn nước thải nhà máy nhiệt điện Phả Lại, nối tiếp kênh xả của nhà máy nhiệt điện chảy dọc theo kênh Phao Tân-An Bài có lưu lượng là 4,76 m<sup>3</sup>/s. Diện tích tưới thiết kế 3.221 ha nhưng đến nay diện tích tưới tự chảy đạt 884 ha (Đây là diện tích tưới ải, diện tích tưới dưỡng sẽ nhỏ hơn do 2 bờ sông

Thiên chưa được đắp đê ngăn nước). Phát huy được từ đầu kênh đến Văn An dài khoảng 3km, diện tích tạo nguồn 195 ha.

++ Tưới động lực: Khu vực có 22 trạm bơm lấy nước từ sông Kinh Thầy và nước xả nhà máy nhiệt điện Phả Lại, diện tích tưới thiết kế là 3.258 ha, diện tích tưới thực là 2.388 ha.

- Lưu vực tiêu: kênh Phao Tân - An Bài cũng được chia thành 2 tiêu khu tưới.

+ Tiêu khu Bắc kênh Phao Tân - An Bài: Gồm các phường: Phả Lại, Văn An, Chí Minh, Thái Học và An Lạc (đơn vị hành chính trước sát nhập). Diện tích tự nhiên 4.536 ha, diện tích cần tiêu là 3.758 ha. Khi mực nước kênh Phao Tân - An Bài thấp tiêu tranh thủ tự chảy ra kênh rồi qua cống An Bài. Khi mực nước sông Kinh Thầy lên cao khu vực tiêu theo hai hình thức: Tiêu tự chảy 1.823 ha qua âu thuyền An Bài và tiêu 1.935 ha bằng trạm bơm An Bài. Do hệ thống kênh và vùng tách nước núi chưa được xây dựng, toàn bộ diện tích 3.758 ha vẫn phải tiêu qua trạm bơm An Bài.

+ Tiêu khu Nam Phao Tân-An Bài: Gồm Phường Cổ Thành, Nhân Huệ, Tân Dân, Đồng Lạc, An Lạc và các phường Văn An, Chí Minh, Thái Học (đơn vị hành chính trước sát nhập). Diện tích tự nhiên 5.270 ha, diện tích cần tiêu là 4.588 ha. Khi mực nước sông Kinh Thầy thấp một phần diện tích tiêu tranh thủ tự chảy qua các cống An Bài, Vạn Thắng, Kỳ Đặc. Khi mực nước sông Kinh Thầy cao, toàn khu tiêu bằng 6 trạm bơm có diện tích thiết kế 4.704 ha, diện tích tiêu thực tế 4.588 ha.

- Tuyến kênh Phao Tân An Bài bắt đầu từ cống đầu kênh tại K0 và kết thúc tại cống tiêu tự chảy trạm bơm An Bài với tổng chiều dài khoảng  $L=14,16\text{km}$ . Hiện trạng là kênh đất chiều rộng  $B=(10\text{-}25)\text{m}$ , mái kênh bị sạt lở nhiều đoạn.

- Hầu hết lòng kênh trực bị bồi lắng, vì nguồn nước lấy từ sông Thương và kênh xả nhà máy nhiệt điện có rất nhiều phù sa dẫn đến khối lượng bồi lắng trong hệ thống sau mỗi năm là rất lớn. Các kênh khác chỉ sau từ 5 - 10 năm phải nạo vét lại 1 lần, kinh phí đầu tư cho nạo vét là rất lớn.

- Hầu hết lòng kênh trực bị bồi lắng, còn bị cản trở do các vật cản gây ra đặc biệt là bèo tây và các công trình vi phạm hành lang bảo vệ kênh như làm nhà, đào ao, khi nước cao đã chiếm nhiều diện tích mặt thoáng làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiêu thoát nước của kênh. Hiện tại còn có nhiều đặng đống, bèo tây, bèo rau muống.

- Do các kênh trực trong hệ thống phần lớn là sông thiên nhiên, bờ đê được hình thành theo quá trình phát triển của khu vực, một số ít đoạn do đào kênh đất đắp lên. Từ 1992 đến năm 2003 đã được nhà nước quan tâm nạo vét nhưng việc đầu tư mới chỉ ở mức độ xử lý chấp vá chỗ xung yếu chưa hoàn thiện; dưới bờ kênh còn nhiều cống, cầu do các hợp tác xã tự làm, thân công ngắn, cánh công sơ sài không đảm bảo an toàn, đặc biệt những năm có lượng mưa lớn như những năm 1985, 1992, 2004 xảy ra nhiều sự cố sạt sập, bục mang công..., rất xung yếu cần được khắc phục.

- Trục đường dọc hai bên bờ kênh chủ yếu bằng đất mặt cắt nhỏ không đảm bảo việc đi lại kiểm tra và giao thông qua lại của nhân dân trong vùng dự án. Đây là một trong những vấn đề cần được giải quyết triệt để nhằm tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế xã hội của các xã dọc theo tuyến kênh nói riêng và của toàn thành phố Chí Linh (đơn vị hành chính trước sát nhập) nói chung.

- Các công trình trên kênh như cầu, cống do địa phương tự làm, thân công ngăn, kết cấu đã hư hỏng. Công trình trên kênh gồm: 15 cầu qua kênh; 8 cầu máng qua kênh; 3 cống điều tiết (2 cống đầu và cuối kênh và 1 cống trên kênh) và 60 cống tiêu vào kênh.

- Diện tích đất chiếm dụng, thu hồi để thực hiện dự án có tổng diện tích 615.269 m<sup>2</sup>, chủ yếu là đất kênh hiện trạng và một phần đất chiếm dụng thêm; cụ thể như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )			
		Phường Chí Linh	Phường Chu Văn An	Phường Lê Đại Hành	Tổng
<b>I</b>	<b>Diện tích đất sử dụng</b>	<b>96.438</b>	<b>404.998,7</b>	<b>113.832,0</b>	<b>615.269</b>
1	Đất DTL (Đất thủy lợi)	84.121	19.502,0	-	<b>103.623,00</b>
2	Đất DGT (Đất đường giao thông)	12.317	106.542,0	-	<b>118.859,00</b>
3	Đất SON (Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối)	-	223.478,0	112.790,0	<b>336.268,00</b>
4	Đất LUK (Đất trồng lúa nước còn lại)	-	53.827,7	-	<b>53.827,70</b>
5	Đất LUC (Đất chuyên trồng lúa nước)	-	746,0	355,0	<b>1.101,00</b>
6	Đất BCS (Đất bằng chưa sử dụng)	-	321,0	311,0	<b>632,00</b>
7	Đất ONT (Đất ở tại nông thôn)	-	582,0	-	<b>582,00</b>
8	Đất BHK (Đất trồng cây hằng năm)	-	-	376,00	<b>376,00</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản trên đất</b>				
1	Lúa (m <sup>2</sup> )	-	52.928,7	355	<b>53.142,7</b>

2	Cây ăn quả (nhãn, chuối, ...) (cây)	-	-	-	<b>3.922</b>
3	Cây trồng hằng năm (ngô, khoai lang, mía, lạc,...) (m <sup>2</sup> )	-	-	376	<b>376</b>

- Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.

Tuyến kênh Phao Tân – An Bài đi qua địa bàn các phường: Chí Linh, Chu Văn An và Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng. Các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội có khả năng bị tác động bởi dự án gồm:

+ Hệ thống thủy lợi: khu vực dự án ngoài kênh Phao Tân – An Bài, còn có kênh Công chạy song song phục vụ tưới tiêu khu vực bên hữu của kênh; ngoài ra là mạng lưới kênh mương dày đặc phục vụ dẫn nước từ kênh chính phục vụ tưới, tiêu cho diện tích đất nông nghiệp trong khu vực.

+ Hệ thống giao thông:

Tuyến kênh hiện trạng cắt qua Quốc lộ 37 (K10+195), tuyến đường tỉnh 282 (K2+895) và các tuyến đường địa phương như đường liên xã Văn An (K5+185), đường huyện 184 (K11+200),...; nhìn chung các tuyến đường này đều có lượng lưu thông khá lớn.

Quốc lộ 18 chạy song song bên trái tuyến kênh, khoảng cách gần nhất là 500m.

Hệ thống sông ngòi: Khu vực triển khai dự án không đi qua sông, suối.

+ Khu dân cư:

Địa bàn phường Chí Linh: dọc 2 bên bờ kênh chủ yếu là đất ruộng, đất ao; mật độ dân cư thưa thớt, tập trung chủ yếu tại điểm đầu kênh (bên tả K0+00).

Địa bàn phường Chu Văn An: dân cư nằm dọc bên bờ hữu kênh đoạn từ K4+770 đến K6+330; bên bờ tả đoạn từ K4+770 đến K5+185 đang xây dựng khu đô thị mới; khu dân cư nằm bên bờ hữu kênh K8+330, dân cư xóm Vôi cách bờ tả kênh tại K8+885 là 220m.

- Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án.

Dọc tuyến kênh dân cư sinh sống rải rác, hai bên tuyến chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, ao đầm nuôi trồng thủy sản của người dân, là các đối tượng kinh tế, xã hội có khả năng chịu tác động trực tiếp từ hoạt động của dự án khi dự án triển khai công tác thi công xây dựng, cải tạo, cần phải có các giải pháp kiểm soát chặt chẽ các nguồn tác động phát sinh để giảm thiểu tác động lên các đối tượng này.

## **2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:**

- Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

<b>TT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Các nguồn chất thải phát sinh</b>
1	Hoạt động thi công các công trình trên tuyến kênh, nạo vét lòng kênh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thải xây dựng, nước róc từ bùn nạo vét.</li> <li>- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường thi công.</li> <li>- Khí thải từ hoạt động của các máy thi công</li> <li>- Bùn đất nạo vét</li> <li>- Chất thải rắn xây dựng: bê tông vụn, gạch, bao bì xi măng.</li> <li>- Đất đào, vật liệu thải từ phá dỡ công trình cũ (cống, cầu).</li> <li>- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công</li> <li>- Tiếng ồn, độ rung</li> </ul>
2		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển</li> <li>- Bùn đất rơi vãi.</li> </ul>
3	Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thải sinh hoạt</li> <li>- Chất thải rắn sinh hoạt</li> </ul>

- Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

<b>TT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Các nguồn tác động không liên quan đến chất thải phát sinh</b>
1	Hoạt động thi công các công trình trên tuyến kênh, nạo vét lòng kênh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sạt lở đường bờ</li> <li>- Giảm đoạn hoạt động tiêu thoát, cấp nước cho diện tích đất canh tác nông nghiệp, hoạt động nuôi trồng thủy sản chịu sự điều tiết của công trình thủy lợi này.</li> <li>- Bùn đất, chất thải xây dựng rơi vãi, nước thải phát sinh không được quản lý làm suy giảm chất lượng môi trường sinh trưởng và phát triển của hệ sinh thái nông nghiệp, thủy sản dọc hai bên tuyến.</li> </ul>

		- Các rủi ro sự cố: sạt lở, tai nạn lao động, thiên tai, ...
2		- Ảnh hưởng đến chất lượng đời sống nhân dân hai bên tuyến - Gia tăng mật giao thông, làm suy giảm chất lượng hạ tầng giao thông
3	Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng	- Tình hình an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng.

### 2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

- Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

TT	Chất thải		Biện pháp quản lý
1	Nước thải	Nước thải thi công	Làm đê quây/cừ vây cục bộ khi nạo vét Bố trí hồ lắng tạm trước khi xả nước ra kênh Thi công theo hình thức cuốn chiếu, đoạn tuyến, không thi công giàn trải
		Nước thải sinh hoạt	Sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại công trường thi công Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng hút và chuyển giao xử lý định kỳ
2	Khí thải	Khí thải từ phương tiện thi công	Sử dụng phương tiện còn hạn kiểm định an toàn về môi trường Sử dụng nhiên liệu sạch cho các phương tiện thi công Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị Khu vực gần dân cư có kế hoạch, giờ giấc thi công hợp lý
		Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển	- Phương tiện vận chuyển được phủ bạt kín, làm sạch bánh xe trước khi ra vào công trường. - Phun nước làm ẩm mặt đường tại trục đường vận chuyển trong trường hợp cần thiết.

3	Chất thải rắn thông thường	Bùn thải nạo vét	- Đổ thải tại vị trí đổ bùn thải theo văn bản chấp thuận của chính quyền địa phương - Tận dụng làm vật liệu san lấp, đất trồng cây cho các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố
		Chất thải xây dựng khác	Thực hiện phân loại, bố trí vị trí tập kết đảm bảo có mái che tại mặt bằng công trường thi công, có giải pháp tránh nước mưa chảy. Ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng
		Chất thải sinh hoạt	Không tổ chức lán trại tập trung tại công trường thi công. Thực hiện phân loại, bố trí các thùng chứa đảm bảo quy định, ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng
4	Chất thải nguy hại		Thực hiện phân loại, bố trí phương tiện lưu chứa đảm bảo quy cách, có dán nhãn cảnh báo, tên mã chất thải, trang bị phương tiện phòng ngừa ứng phó sự cố đảm bảo quy định Ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng
5	Tiếng ồn, độ rung		Giới hạn thời gian thi công (ban ngày) Bố trí khoảng cách an toàn với khu dân cư Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị thi công, lắp đặt giảm thanh, giảm chấn cho các thiết bị.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

STT	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
1	Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp (đoạn đầu và cuối tuyến), hoạt động nuôi trồng thủy sản (đoạn giữa)	Tính toán thi công theo đúng phương án thi công được duyệt Thi công cuốn chiếu, giảm thời gian chiếm dụng Tăng cường công tác giám sát của chủ đầu tư trong quá trình thi công Đền bù, hỗ trợ theo quy định khi xảy ra thiệt hại

2	Tác động đến hoạt động giao thông	Làm đường tránh trong trường hợp cần thiết Dựng biển báo, phân luồng giao thông, bố trí cán bộ trực, điều tiết đặc biệt các đoạn qua đường dân sinh. Sử dụng phương tiện vận chuyển đúng tải trọng quy định cho tuyến đường vận chuyển
3	Nguy cơ sạt lở, mất ổn định đường bờ	Tính toán thi công theo đúng phương án thi công được duyệt Thi công theo lớp, không đào sâu đột ngột Gia cố tạm bằng cọc tre, bao tải Ưu tiên thi công kè ngay sau nạo vét
4	Ảnh hưởng đến hệ sinh thái	Thi công theo hình thức cuốn chiếu để giảm phạm vi tác động, dễ kiểm soát các tác động phát sinh Không thi công vào mùa vụ chính khi cần cấp nước cho hoạt động canh tác, nuôi trồng thủy sản
5	Tình hình an ninh trật tự khu vực	Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý trật tự an ninh trên công trường thi công và khu vực tập trung công nhân xây dựng của dự án
6	Các giải pháp quản lý chung	Lập kế hoạch quản lý môi trường (EMP) cho toàn dự án, xây dựng nội quy công trường,... Bố trí cán bộ chuyên trách phụ trách công tác an toàn lao động, môi trường tại công trường thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thi công và người lao động Thực hiện quan trắc định kỳ để đánh giá tác động từ hoạt động của dự án đến môi trường xung quanh, kịp thời có biện pháp kiểm soát tác động phù hợp

## **2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

2.4.1. Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

### **- Mục tiêu:**

Kiểm soát và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thi công nạo vét và kiên cố hóa kênh Phao Tân – An Bài.

Đảm bảo các thông số môi trường tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Phát hiện kịp thời các sự cố môi trường để có biện pháp xử lý.

### **- Chương trình quản lý môi trường:**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng quản lý</b>	<b>Giải pháp quản lý</b>
1	Quản lý chất thải rắn	Thu gom, phân loại bùn nạo vét, đất thải, chất thải xây dựng. Bố trí bãi chứa bùn tạm có chống thấm, có rãnh thu gom nước rỉ. Vận chuyển đúng nơi quy định, không đổ thải xuống kênh hoặc khu dân cư.
2	Quản lý nước thải	Nước rỉ bùn, nước mưa chảy tràn được dẫn qua hố lắng trước khi xả ra môi trường. Bố trí nhà vệ sinh di động cho công nhân, không xả trực tiếp ra kênh.
3	Kiểm soát bụi và khí thải	Tưới nước giảm bụi tại đường thi công, đặc biệt đoạn qua khu dân cư. Che phủ vật liệu, kiểm soát phương tiện vận chuyển. Bảo dưỡng máy móc định kỳ.
4	Kiểm soát tiếng ồn, rung	Thi công trong giờ hành chính. Hạn chế thiết bị gây ồn lớn tại khu dân cư.
5	Quản lý an toàn và sự cố môi trường	Có phương án phòng chống sạt lở bờ kênh khi nạo vét. Bố trí vật tư ứng phó sự cố tràn dầu, sạt lở. Tập huấn cho công nhân về bảo vệ môi trường.

### **- Chương trình giám sát môi trường**

#### (1) Môi trường nước mặt (kênh)

Vị trí: Thượng lưu, hạ lưu khu vực thi công; đặc biệt đoạn qua khu dân cư và nuôi thủy sản (K2+300–K11+300)

Thông số: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, DO, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>

Tần suất: 3 tháng/lần

#### (2) Môi trường không khí

Vị trí: Khu vực thi công, khu dân cư lân cận

Thông số: Bụi tổng (TSP), SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, tiếng ồn

Tần suất: 3 tháng/lần

#### (3) Giám sát chất thải

- Bùn nạo vét

Giám sát khối lượng, vị trí đổ thải

- Chất thải rắn sinh hoạt

Kiểm tra việc thu gom, vận chuyển hàng ngày

(4) Tổ chức thực hiện

Chủ dự án: Chịu trách nhiệm chung về công tác bảo vệ môi trường

Nhà thầu thi công: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu và quản lý môi trường tại hiện trường

Cán bộ môi trường công trường: Theo dõi hàng ngày; Ghi chép nhật ký môi trường

Đơn vị quan trắc: Thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định.

#### **2.4.2. Tóm tắt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.**

##### **- Mục tiêu:**

Chủ động phòng ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thi công.

Ứng phó kịp thời, giảm thiểu thiệt hại khi sự cố xảy ra.

Đảm bảo an toàn cho con người, môi trường và tài sản khu vực dự án.

<b>TT</b>	<b>Các sự cố môi trường có thể xảy ra</b>	<b>Phương án phòng ngừa</b>	<b>Phương án ứng phó</b>
1	Sạt lở bờ kênh trong quá trình nạo vét	Thi công theo từng đoạn, không đào sâu đồng loạt Tuân thủ thiết kế mái kênh (m=1,5) Gia cố tạm bằng cọc tre, bao tải đất tại vị trí xung yếu Ưu tiên thi công kè ngay sau khi nạo vét	Dừng thi công tại khu vực xảy ra sự cố Gia cố khẩn cấp bằng bao tải đất, cọc tre Thông báo chính quyền địa phương Triển khai thi công kè ổn định lâu dài
2	Ô nhiễm do bùn nạo vét	Bố trí bãi chứa bùn có lót chống thấm Làm rãnh thu nước rỉ, hố lắng Không đổ bùn trực tiếp xuống kênh hoặc khu dân cư Vận chuyển bằng phương tiện che chắn kín	Dừng thi công Dùng bao cát/đê tạm ngăn lan truyền Nạo vét, thu gom bùn tràn Tăng cường lắng lọc trước khi xả
3	Ô nhiễm nước	Thi công có đê quây/hạn chế phát tán bùn Không thi công đồng loạt toàn tuyến	

		Kiểm soát nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công	
4	Sự cố tai nạn lao động	Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động Biển báo, rào chắn tại khu vực nguy hiểm Tập huấn an toàn lao động cho công nhân	Sơ cứu tại chỗ, đưa đến cơ sở y tế gần nhất Báo cáo cấp có thẩm quyền Rà soát nguyên nhân, khắc phục

#### **Tổ chức thực hiện:**

- Chủ dự án: Chịu trách nhiệm chung, chỉ đạo ứng phó
- Nhà thầu thi công: Triển khai trực tiếp các biện pháp
- Cán bộ môi trường và an toàn: Giám sát, hướng dẫn
- Phối hợp địa phương: Khi xảy ra sự cố lớn

#### **2.5. Các nội dung khác**

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải (nếu có): Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện hoạt động cải tạo phục hồi môi trường.

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật (nếu có): không thuộc đối tượng.

#### **3. Cam kết của Chủ dự án**

- Các cam kết về thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường theo đề xuất trong hồ sơ báo cáo.

- Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo đảm kinh tế - xã hội, hỗ trợ hạ tầng, sinh kế người dân tại địa phương trong trường hợp xảy ra thiệt hại về hạ tầng giao thông, hạ tầng sản xuất,... của người dân trong quá trình triển khai dự án.

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**